QUAN HỆ VIỆT NAM - HÀN QUỐC: NHÌN TỪ GÓC ĐỘ LỢI THẾ SO SÁNH

HOÀNG THỊ HÀ*

Quan hệ Việt Nam - Hàn Quốc được thiết lập từ tháng 12-1992, trải qua chặng đường hơn 30 năm, với những thăng trầm của lịch sử, quan hệ Việt Nam-Hàn Quốc đã không ngừng phát triển và đạt được nhiều thành công trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, an ninh và văn hóa. Quan hệ ngoại giao với Hàn Quốc được coi là một điểm sáng trong tiến trình hội nhập quốc tế của Việt Nam. Trong số rất nhiều quốc gia mà Việt Nam có quan hệ ngoại giao chính thức trong những năm đầu thập kỷ 90 của thế kỷ trước, Hàn Quốc là một trong những quốc gia đầu tiên trở thành đối tác chiến lược của Việt Nam, và rất nhanh sau đó, đã trở thành Đối tác chiến lược toàn diện (2022), đây là sự phát triển hết sức nhanh chóng và ngoạn mục. Hiện nay, cùng với Hàn Quốc, Việt Nam mới chỉ thiết lập quan hệ Đối tác chiến lược toàn diện với 7 nước là Trung Quốc (5-2008), Nga (7-2012), Ấn Độ (9-2016), Hàn Quốc (12-2022), Nhật Bản (11-2023), Hoa Kỳ (9-2023) và mới nhất là Australia (7-3-2024). Hàn Quốc hiện là một trong những đối tác thương mại lớn nhất của Việt Nam, góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế và ổn định khu vực. Sự gắn kết này không chỉ mang lại lợi ích cho cả hai nước mà còn đóng góp vào việc duy trì hòa bình và phát triển bền vững trong khu vực Đông Á.

Để có được những kết quả to lớn trong thời gian qua, quan hệ Việt Nam - Hàn Quốc không chỉ dựa trên việc tăng cường phát huy những lợi ích song trùng giữa hai nước mà còn biết khai thác những lợi thế so sánh trong quan hệ song phương. Trong bài viết này, tác giả sẽ tập trung phân tích sức mạnh và sự hợp tác bổ sung giữa Việt Nam và Hàn Quốc dựa trên góc độ lợi thế so sánh của mỗi nước, còn về lợi ích song trùng sẽ được trình bày trong một nghiên cứu khác. Từ góc độ lợi thế so sánh, có thể thấy rằng quan hệ Việt Nam - Hàn Quốc không chỉ mang lại lợi ích cho từng quốc gia mà còn tạo ra một mô hình hợp tác bền vững, góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội của cả hai nước.

1. Tác động của bối cảnh mới đến quan hệ Việt Nam - Hàn Quốc

Trong bối cảnh mới, cùng với xu thế toàn cầu hóa, sự phát triển mạnh của cuộc cách mạng 4.0, xu hướng hoà bình và hợp tác cũng ngày một phát triển, các nước đều thực hiện đa dạng hóa các mối quan hệ để mở rộng các liên kết quốc tế… Những vận động, thay đổi của bối cảnh thế giới và khu vực đã có tác động đáng kể đến quan hệ Việt Nam - Hàn Quốc.

Bối cảnh toàn cầu hóa

Xu thế toàn cầu hóa phát triển đã đưa các nền kinh tế xích lại gần nhau và ngày

*ThS. Viện Sử học, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam

càng phụ thuộc vào nhau. Toàn cầu hóa kinh tế đã thúc đẩy các nước gia tăng nguồn lực, tạo ra môi trường tự do hóa thương mại-đầu tư, hình thành các mạng lưới sản xuất và tiêu thụ mang tính toàn cầu trong đó tập trung trước hết vào các dòng vốn, lao động, công nghệ. Toàn cầu hóa cũng mang lại một thị trường kinh tế mở cho các nền kinh tế trên cơ sở sử dụng lợi thế so sánh để hội nhập vào thị trường chung của khu vực và thế giới, tạo ra cơ hội cho các nền kinh tế hợp tác, bổ sung lẫn nhau trong một nền kinh tế chung. Bên cạnh đó, sự phát triển của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 không chỉ đóng vai trò như một lực lượng sản xuất trong phát triển kinh tế mà còn mang đến những tác động, biến đổi cả về chính trị -xã hội đối với mỗi quốc gia. Toàn cầu hóa đã tạo ra nhiều cơ hội hợp tác cho quan hệ Việt Nam - Hàn Quốc, sự gia tăng giao lưu thương mại và đầu tư giữa hai nước ngày càng tăng đã góp phần thúc đẩy nền kinh tế của cả hai nước. Hàn Quốc, với nền kinh tế phát triển, đã tìm đến Việt Nam như một thị trường tiềm năng, trong khi Việt Nam được hưởng lợi từ công nghệ và kinh nghiệm quản lý của Hàn Quốc.

Xu hướng hòa bình và hợp tác khu vực

Cùng với xu thế toàn cầu hóa, xu hướng hòa bình và hợp tác cũng ngày một phát triển, các nước đều thực hiện đa dạng hóa các mối quan hệ để mở rộng các liên kết quốc tế. Sự hình thành các khối liên kết, cộng đồng thể hiện qua việc ra đời các tổ chức khu vực như EU, NAFTA, ASEAN, APEC… đã tạo cơ sở pháp lý, thúc đẩy hình thành xu hướng tự do thương mại.

Ở khu vực châu Á-Thái Bình Dương, Diễn đàn Hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC) được thành lập năm 1989 đã hướng tới mục tiêu xây dựng một diễn đàn kinh tế mở, thúc đẩy thương mại đầu tư giữa các nước thành viên trong đó có Hàn Quốc (một trong những thành viên tham gia sáng lập) và Việt Nam (thành viên từ năm 1998). Bên cạnh đó, sự ra đời của Cộng đồng Đông Á (1) ở châu Á đã hình thành nên "một cộng đồng mở, minh bạch, diễn đàn hướng tới tương lai" (2), cũng từ đây nền kinh tế của các nước ngày càng phát triển và trở nên phụ thuộc lẫn nhau. Ở khu vực Đông Nam Á, Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC) thành lập năm 2015 tiếp tục phát huy vai trò trung tâm của ASEAN trong thúc đẩy liên kết khu vực. Ngoài việc tăng cường hợp tác, liên kết nội bộ, ASEAN cũng mở rộng liên kết với bên ngoài theo mô hình ASEAN +1, ASEAN +3, ASEAN + 6, ASEAN +8… Việt Nam là một trong những thành viên đóng vai trò quan trọng trong ASEAN và nhiều tổ chức khu vực khác. Trong nhìn nhận của các nước lớn, "Việt Nam là một trong những nước có ảnh hưởng mang tính "dẫn dắt" trong ASEAN. Do đó, trong chính sách của các nước, nhất là các nước lớn đối với khu vực, Việt Nam có vị trí tương đối quan trọng, được các nước coi là một đối tác cần tăng cường, là nhân tố góp phần kết nối quan hệ của các nước với ASEAN" (3). Trên cơ sở đó, Việt Nam và Hàn Quốc ngày càng có nhiều cơ hội để tăng cường quan hệ với tư cách là thành viên trong khu vực Đông Á, là đối tác hợp tác chiến lược trọng tâm trong quan hệ với ASEAN.

Cạnh tranh chiến lược trong khu vực

Xu thế toàn cầu hóa cũng đặt ra những thách thức đối với quan hệ song phương. Các tiến trình hợp tác, liên kết khu vực vừa thúc đẩy thế giới phát triển theo hướng hội nhập, song cũng tạo ra sự tranh giành ảnh hưởng tại khu vực theo cách tiếp cận lợi ích của từng quốc gia. Các nước lớn về cơ bản đều có những điều chỉnh chiến lược và chính sách đối nội, đối ngoại làm cho xu hướng thế giới đa cực hình thành ngày một

rõ nét. Việt Nam và Hàn Quốc vì thế cũng có những chính sách để xác định mục tiêu chiến lược của mình nhằm tìm kiếm một vị thế mới có lợi hơn trong bối cảnh thế giới đang vận động không ngừng.

Khu vực châu Á - Thái Bình Dương mặc dù là khu vực phát triển năng động về kinh tế, có vai trò, vị trí địa chiến lược quan trọng về an ninh khu vực cũng như an ninh toàn cầu nhưng đồng thời cũng là trung tâm của cuộc cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, trong đó nổi lên sự cạnh tranh giữa hai nước lớn là Mỹ và Trung Quốc, đã tác động mạnh mẽ đến quan hệ quốc tế trong khu vực Đông Á. Sự cạnh tranh địa chính trị này đã và đang tạo ra những cơ hội và thách thức cho quan hệ song phương Việt Nam - Hàn Quốc. Đặc biệt sau việc Hàn Quốc triển khai hệ thống phòng thủ tên lửa THAAD năm 2017 (4), quan hệ giữa Trung Quốc và Hàn Quốc đã có sự suy giảm rõ rệt, và Hàn Quốc có xu hướng chuyển dần thị trường xuất khẩu chính sang Đông Nam Á để giảm bớt sự phụ thuộc vào Trung Quốc, trong đó Hàn Quốc đặc biệt chú trọng và lựa chọn Việt Nam là nơi đầu tư chiến lược lâu dài. Trong bối cảnh này, Việt Nam và Hàn Quốc có thể tăng cường hợp tác để duy trì ổn định và an ninh. Việc tham gia các diễn đàn đa phương và xây dựng mối quan hệ chiến lược sẽ giúp cả hai nước đối phó hiệu quả với những thách thức an ninh, đồng thời bảo vệ được lợi ích quốc gia.

Xu hướng chuyển dịch chuỗi cung ứng

Sự chuyển dịch chuỗi cung ứng toàn cầu đã tạo ra cơ hội lớn cho Việt Nam trở thành điểm đến hấp dẫn cho các nhà đầu tư Hàn Quốc. Nhiều doanh nghiệp Hàn Quốc đã chuyển sản xuất sang Việt Nam để tận dụng lợi thế về chi phí và tiếp cận thị trường lớn. Điều này không chỉ thúc đẩy quan hệ kinh tế mà còn tạo ra nhiều cơ hội việc làm cho người lao động Việt Nam. Tháng 5-2017, Hàn Quốc công bố *Chính sách hướng Nam mới* (*New South Policy)* nhằm khẳng định vai trò chiến lược cũng như tầm quan trọng của khu vực ASEAN đối với Hàn Quốc. Trong *Chính sách hướng Nam mới*, Hàn Quốc xác định Việt Nam có vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy hợp tác khu vực Hàn Quốc-Mekong cũng như quan hệ Hàn Quốc-ASEAN… (5).

Bối cảnh quốc tế và khu vực đã thôi thúc Việt Nam và Hàn Quốc tăng cường hợp tác nhiều mặt tiến tới gắn kết chặt chẽ cả trong các quan hệ đa phương và song phương. Trong bối cảnh toàn cầu hóa và sự cạnh tranh ngày càng gia tăng, cả Việt Nam và Hàn Quốc cần nắm bắt tốt các cơ hội mới, đồng thời chủ động ứng phó với các thách thức, nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế và nâng cao vị thế mỗi nước.

2. Thực trạng quan hệ Việt Nam - Hàn Quốc: Nhìn từ góc độ lợi thế so sánh

2.1. Về lợi thế so sánh trong quan hệ quốc tế

Lợi thế so sánh là một khái niệm kinh tế nhưng cũng có ứng dụng sâu rộng trong quan hệ quốc tế. Trong bối cảnh toàn cầu hóa, lợi thế so sánh không chỉ ảnh hưởng đến thương mại mà còn tác động đến chính sách đối ngoại, hợp tác quốc tế và hội nhập kinh tế quốc tế của nhiều quốc gia. Việc hiểu rõ lợi thế của mình, sẽ giúp các quốc gia thúc đẩy thương mại tự do, mở cửa thị trường và thu hút đầu tư.

Lợi ích thương mại tự do hay thương mại quốc tế giữa các quốc gia lần đầu tiên được nghiên cứu bởi nhà kinh tế học Adam Smith, ông gọi nó là "lợi thế tuyệt đối" trong sản xuất; theo đó ông cho rằng: "Nếu một quốc gia nước ngoài có thể cung cấp cho chúng ta một mặt hàng rẻ hơn mức chúng ta

có thể sản xuất ra, thì tốt hơn hãy mua nó bằng một phần sản phẩm của ngành công nghiệp của chúng ta, được sử dụng theo cách mà chúng ta có, một số lợi thế" (6).

Dựa trên nền tảng lý thuyết của Adam Smith, lý thuyết *Lợi thế so sánh* được phát triển bởi nhà kinh tế học David Ricardo, ông cho rằng: "ngay cả khi một quốc gia không có lợi thế tuyệt đối trong bất kỳ lĩnh vực nào, nó vẫn có thể đạt được lợi ích bằng cách chuyên môn hóa vào những sản phẩm mà nó có lợi thế so sánh. Điều này dẫn đến việc các quốc gia có thể trao đổi hàng hóa và dịch vụ một cách hiệu quả hơn, từ đó tối ưu hóa nguồn lực và nâng cao phúc lợi (7). Như vậy, lợi thế so sánh là cơ sở để các nước buôn bán, trao đổi với nhau và là cơ sở để thực hiện phân công lao động quốc tế.

Tiếp tục bổ sung, hoàn thiện lý thuyết về lợi thế so sánh, Michael Porter, nhà kinh tế học người Mỹ cho rằng lợi thế so sánh của một quốc gia được quyết định bởi 6 yếu tố: Các điều kiện sản xuất vốn có (lao động, tài nguyên thiên nhiên, vị trí địa lý...); Các điều kiện thị trường nội địa; Các ngành công nghiệp hỗ trợ và liên đới; Chiến lược và cơ cấu của các công ty; cạnh tranh trong nội bộ ngành; Chính sách và tác động của Chính phủ... (8).

Trong bối cảnh quan hệ quốc tế hiện nay, lợi thế so sánh giúp các quốc gia xác định lĩnh vực mà họ có thể phát huy thế mạnh. Ví dụ, một quốc gia có nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú có thể tập trung vào xuất khẩu hàng hóa khoáng sản, trong khi một quốc gia khác có trình độ công nghệ cao có thể chuyên môn hóa vào sản xuất thiết bị điện tử. Điều này không chỉ giúp tăng trưởng kinh tế mà còn tạo ra cơ hội hợp tác giữa các quốc gia. Các quốc gia có lợi thế so sánh rõ ràng thường có xu hướng xây dựng chính sách đối ngoại mạnh mẽ hơn. Họ có thể sử dụng lợi thế kinh tế của mình để thiết lập quan hệ đối tác chiến lược, từ đó tạo ra ảnh hưởng trong khu vực và toàn cầu. Ngược lại, các quốc gia thiếu lợi thế này có thể phải tìm kiếm sự hỗ trợ từ các đối tác hoặc tham gia vào các tổ chức quốc tế để bảo vệ lợi ích của mình.

Như vậy, lợi thế so sánh là một yếu tố quan trọng trong quan hệ quốc tế, ảnh hưởng đến thương mại, chính sách đối ngoại và sự phát triển kinh tế của các quốc gia. Hiểu rõ và vận dụng lợi thế này không chỉ giúp các quốc gia tối ưu hóa nguồn lực mà còn tạo ra cơ hội hợp tác bền vững. Trong thế giới ngày càng kết nối, việc tận dụng lợi thế so sánh sẽ là chìa khóa để các quốc gia đạt được sự thịnh vượng và ổn định trong quan hệ quốc tế.

2.2. Lợi thế so sánh của Việt Nam trong quan hệ với Hàn Quốc

Ở Việt Nam, khi đánh giá các lợi thế so sánh để phát triển quan hệ hợp tác với Hàn Quốc có thể đề cập đến các yếu tố đặc trưng cơ bản là: Vị trí địa lí và tài nguyên; Nguồn nhân lực; Thị trường tiềm năng, môi trường chính trị - an ninh ổn định.

Vị trí địa lý và tài nguyên thiên nhiên

Việt Nam nằm ở vị trí trung tâm của khu vực Đông Nam Á, ở phía Đông bán đảo Đông Dương, phía Bắc giáp Trung Quốc, phía Tây giáp Lào, Campuchia, phía Đông Nam giáp Biển Đông và Thái Bình Dương. Với lợi thế tiếp giáp Biển Đông, Việt Nam nằm trên các tuyến hàng hải và hàng không huyết mạch thông thương giữa Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương, giữa châu Âu, Trung Cận Đông với Trung Quốc, Nhật Bản và các nước trong khu vực. Việt Nam cũng nằm trong trục chính của Hành lang kinh tế Đông - Tây kết nối Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương, tạo ra tiềm năng to lớn trong việc phát triển kinh tế - xã hội của các nước

thuộc tiểu vùng sông Mê Kông và khu vực. Với lợi thế đó, Việt Nam ngày càng thu hút sự quan tâm, đầu tư của Hàn Quốc và nhiều quốc gia trong và ngoài khu vực.

Bên cạnh đó, Việt Nam còn có những lợi thế lớn về tài nguyên thiên nhiên với trên 27 triệu ha diện tích đất nông nghiệp (9), với hai vùng đồng bằng là đồng bằng sông Cửu Long và đồng bằng sông Hồng, là những vùng trồng lúa năng suất cao; vùng đồi núi có lợi thế phát triển cây công nghiệp và rừng; có bờ biển dài tới 3.260 km, cùng với diện tích mặt nước lớn khác có thể phát triển thuỷ sản. Ngoài ra, Việt Nam còn có lợi thế tài nguyên về dầu khí, than, sắt, đồng, bô-xít, chì, kẽm, thiếc, a-pa-tít, đất hiếm, các khoáng sản làm vật liệu xây dựng… Ngược lại với sự phong phú, đa dạng về tài nguyên của Việt Nam, thì Hàn Quốc lại được biết đến là một quốc gia nghèo về đất đai, khan hiếm về tài nguyên và phần lớn tài nguyên khoáng sản phải dựa vào bên ngoài. Khan hiếm nguồn tài nguyên thiên nhiên phần nào đó đã và đang hạn chế việc hoạch định chính sách phát triển nông nghiệp của Hàn Quốc (10). Vì vậy, xét về mặt tự nhiên Việt Nam có thể bổ sung phần nào vào sự thiếu hụt tài nguyên cho Hàn Quốc đồng thời tạo ra những lợi thế đáng kể trong việc sử dụng tài nguyên tại chỗ khi Hàn Quốc đầu tư vào Việt Nam mà không phải nhập khẩu.

Với việc xuất phát điểm từ một nước nông nghiệp, Việt Nam cũng có nhiều lợi thế khi hợp tác với Hàn Quốc trong lĩnh vực phát triển nông nghiệp. Hiện nay, hai nước đã có nhiều hoạt động hợp tác, chuyển giao công nghệ về phát triển cây nhiên liệu sinh học, các giống rau cao cấp, công nghệ sản xuất nấm ăn, nấm dược liệu, sản xuất thực phẩm an toàn, phát triển cây ăn quả ôn đới, phát triển khuyến nông, ứng dụng công nghiệp 4.0 trong nông nghiệp; thúc đẩy các sản phẩm nông sản có thế mạnh của Việt Nam.

Nguồn lao động trẻ và dồi dào

Việt Nam có một lực lượng lao động trẻ, với chi phí lao động thấp, điều này thu hút các nhà đầu tư Hàn Quốc trong lĩnh vực sản xuất và chế tạo.

Tính đến năm 2023, tổng dân số Việt Nam là 100,3 triệu người, là quốc gia đông dân thứ 3 ở khu vực Đông Nam Á và đứng thứ 15 trên thế giới (11). Nguồn nhân lực là một yếu tố rất quan trọng cho việc thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước trong bối cảnh hiện nay, bởi nó tạo ra bước nhảy vọt về năng suất. Hiện tại lợi thế so sánh cấp thấp (sản xuất ra sản phẩm sử dụng nhiều yếu tố lao động, giá trị gia tăng thấp) đang là một nhân tố quan trọng hấp dẫn các nhà đầu tư Hàn Quốc vào Việt Nam. Theo Tổng cục thống kê, năm 2023, Việt Nam có khoảng 52,4 triệu lao động từ 15 tuổi trở lên, tỷ lệ lao động 15 tuổi trở lên có việc làm ước tính là 51,3 triệu người, bao gồm 13,8 triệu người đang làm việc ở khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản; khu vực công nghiệp và xây dựng 17,2 triệu người; khu vực dịch vụ 20,3 triệu người (12).

Từ góc độ sản xuất, lợi thế của Việt Nam là có một lực lượng lao động trẻ, dồi dào và "giá rẻ" so với mặt bằng chung trong khu vực như Trung Quốc và các nước khác. Thị trường lao động tiết kiệm hiệu quả về mặt chi phí của Việt Nam mở ra cơ hội cho các công ty Hàn Quốc tối ưu hóa hiệu quả hoạt động và chi phí trong các nỗ lực chuyển đổi số của họ.

Song song với đó, chất lượng lao động Việt Nam cũng đang từng bước được nâng lên; lao động qua đào tạo đã phần nào đáp ứng được yêu cầu của doanh nghiệp và thị trường lao động. Lực lượng lao động kỹ thuật của Việt Nam đã làm chủ được khoa

học - công nghệ, đảm nhận được hầu hết các vị trí công việc phức tạp trong sản xuất - kinh doanh mà trước đây phải thuê chuyên gia nước ngoài… Một ưu điểm nữa là lao động Việt Nam có thái độ làm việc chăm chỉ, cẩn thận, luôn sẵn sàng học hỏi với quyết tâm cao. Những đặc điểm này giúp các nhà đầu tư nước ngoài, trong đó có các nhà đầu tư Hàn Quốc có thiện cảm và thu hút đầu tư cho các ngành cần nhiều lao động ở Việt Nam.

Nguồn lao động dồi dào không chỉ mang lại lợi thế trong sản xuất mà còn tạo điều kiện thúc đẩy hợp tác lao động Việt Nam -Hàn Quốc. Hai nước đã nhiều lần ký Thỏa thuận hợp tác trong lĩnh vực lao động, việc làm. Việt Nam đã có hơn 115.000 lượt lao động sang Hàn Quốc làm việc, đến hết tháng 9-2022, tại Hàn Quốc có 28.674 người lao động Việt Nam đang làm việc theo Chương trình EPS tại Hàn Quốc. Ngược lại, có khoảng 1,2 triệu lao động Việt Nam làm việc tại các khu công nghiệp của Hàn Quốc tại Việt Nam. Cụ thể, tập đoàn Samsung là nhà đầu tư Hàn Quốc lớn nhất tại Việt Nam, với 2 nhà máy sản xuất tại Thái Nguyên và Bắc Ninh, tổng số lao động của Samsung tại Việt Nam khoảng 110.000 người. LG Electronics cũng là một trong những tập đoàn Hàn Quốc có quy mô đầu tư lớn tại Việt Nam, với khoảng 20.000 công nhân làm việc tại các nhà máy sản xuất tivi, điện tử tại Hải Phòng và Hà Nam. Ngoài ra, nhiều tập đoàn khác như Hyundai, Kumho Tire, Keangnam, CJ Group... cũng có các nhà máy sản xuất, lắp ráp tại Việt Nam với quy mô từ 5.000 - 20.000 công nhân mỗi công ty (13)… Lao động Việt Nam được đánh giá có kỹ năng nghề tốt, chăm chỉ và hòa nhập nhanh. Người lao động được làm việc trong môi trường hiện đại, được rèn luyện tác phong, kỷ luật lao động với mục tiêu trở thành nguồn nhân lực hữu ích cho Việt Nam.

Thị trường tiềm năng

Việt Nam hiện là một nền kinh tế mới đang phát triển với tỉ lệ tăng trưởng kinh tế cao và ổn định. Theo dữ liệu của Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF), năm 2000, GDP bình quân đầu người của Việt Nam đạt khoảng 498,58 USD, xếp thứ 7/11 trong khu vực Đông Nam Á và thứ 173/200 trên thế giới. Đến năm 2021, con số này đã tăng lên khoảng 3.718 USD, xếp thứ 6/11 trong khu vực Đông Nam Á và thứ 124 trên thế giới (14). Như vậy, GDP bình quân đầu người Việt Nam từ vị trí thứ 173 lên thứ 124, đã tăng hơn 7 lần và tăng 49 bậc trong bảng xếp hạng GDP bình quân đầu người thế giới giai đoạn 2000 - 2021. Việt Nam đã trở thành một nền kinh tế trẻ, năng động và nhiều triển vọng. Một số chuyên gia nước ngoài cho rằng, Việt Nam có triển vọng trở thành một trong những nền kinh tế nổi bật nhất châu Á, bất chấp thách thức và khủng hoảng từ đại dịch COVID-19" (15). Điều này đem đến cho các nhà đầu tư nước ngoài trong đó có Hàn Quốc niềm tin về triển vọng có được một thị trường xuất khẩu và đầu tư lớn hơn.

Sau các sự kiện ký kết mang tính chất bước ngoặt như: *Hiệp định Thương mại Việt-Mỹ* (BTA, năm 2001), Việt Nam trở thành thành viên chính thức của WTO (năm 2007), *Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Hàn Quốc* (VKFTA, năm 2015), *Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU* (EVFTA) (16), tham gia ký kết *Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương* (CTTPP, năm 2018) (17)… nền kinh tế Việt Nam ngày càng có khả năng cạnh tranh mạnh mẽ hơn, điều này đã tạo ra động lực cho các nhà đầu tư Hàn Quốc tìm kiếm các khả năng đầu tư vào Việt Nam. Thậm khí, khi so sánh với các

nước trong khu vực như Myanmar, Thái Lan, Indonesia, thì Hàn Quốc cho rằng, Việt Nam đang có lợi thế hơn hẳn. Chính phủ Hàn Quốc nhận định rằng: Sau khi tham gia CTTPP và EVFTA, Việt Nam là quốc gia đang phát triển mở nhất khu vực ASEAN" (18). Tổng thống Hàn Quốc Yoon Suk Yeol cũng nhấn mạnh "Việt Nam là đối tác cốt lõi trong chiến lược Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương của Hàn Quốc và Sáng kiến đoàn kết Hàn Quốc-ASEAN" (19).

Ở một góc độ khác, nhờ sức ảnh hưởng mạnh mẽ của làn sóng văn hóa Hàn Quốc - Hallyu, các sản phẩm xuất xứ Hàn Quốc đã trở nên phổ biến và được ưa chuộng tại thị trường Việt Nam. Theo thống kê do Bộ Thương mại, Công nghiệp và Năng lượng Hàn Quốc, cán cân thương mại của Hàn Quốc với Việt Nam trong năm 2022 đã ghi nhận thặng dư 34,25 tỷ USD. Năm 2022, lần đầu tiên Việt Nam trở thành đối tác thặng dư thương mại lớn nhất của Hàn Quốc. Các mặt hàng xuất khẩu của Hàn Quốc được ưa chuộng tại Việt Nam là thực phẩm, thời trang và làm đẹp. Theo Hiệp hội Thương mại quốc tế Hàn Quốc (KITA): "với dân số 100 triệu người và tăng trưởng kinh tế tích cực, Việt Nam không chỉ đóng vai trò là cơ sở sản xuất thay thế Trung Quốc mà còn là một trong những thị trường tiêu dùng phục hồi nhanh nhất kể từ sau dịch COVID-19 (20). Như vậy, lợi thế của Việt Nam đó là trở thành thị trường tiêu dùng hấp dẫn cho các sản phẩm tiêu dùng Hàn Quốc.

Môi trường chính trị - an ninh ổn định

Ngoài những ưu thế về nguồn lực lao động, thị trường, thì môi trường chính trị-an ninh ổn định cũng là một trong những lợi thế để các nhà đầu tư Hàn Quốc lựa chọn Việt Nam là một địa bàn đầu tư lâu dài. Đây là điều kiện tiên quyết nhằm giảm thiểu những rủi ro trong quá trình đầu tư. Một kết quả nghiên cứu của Hiệp hội Thương mại quốc tế Hàn Quốc đối với các doanh nghiệp Hàn Quốc năm 2015 cho biết, 49% trong tổng số 540 doanh nghiệp Hàn Quốc tham gia khảo sát về môi trường đầu tư tại 32 quốc gia có tốc độ tăng trưởng hàng năm hơn 3% trong 3 năm qua đã khẳng định có kế hoạch phát triển kinh doanh tại thị trường Việt Nam (21). Hiện nay tất cả các công ty, tập đoàn lớn của Hàn Quốc như Samsung, Huyndai, Lotte, Daewoo, LG, GS, SK, POSCO… đều đã có mặt đầu tư vào Việt Nam.

Dựa trên những tiêu chí: cục diện chính trị ổn định, an ninh xã hội tốt, chính sách cởi mở, quan hệ quốc tế tốt đẹp, đối xử với các nhà đầu tư công bằng, bình đẳng..., Việt Nam được Tổ chức tham vấn kinh tế và rủi ro chính trị (PERC) đã xếp là nước có nền chính trị - xã hội ổn định nhất trong khu vực (22).

Chính sách khuyến khích đầu tư nước ngoài của Chính phủ Việt Nam

Trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0, Việt Nam luôn chủ trương dành nhiều ưu đãi cho các nhà đầu tư nước ngoài về các loại thuế, tài chính tín dụng, đất đai, giải phóng mặt bằng… Đồng thời chính sách thương mại cũng dần thông thoáng hơn, theo hướng tự do hóa, giảm dần các thủ tục hành chính. Việt Nam cũng thể hiện sự quan tâm, khuyến khích đặc biệt đối với các nhà đầu tư Hàn Quốc trong các lĩnh vực công nghiệp chế tạo sử dụng công nghệ cao, công nghệ thông tin, năng lượng, nông nghiệp chất lượng cao, tạo điều kiện thuận lợi để Việt Nam sớm có thể tham gia chuỗi cung ứng toàn cầu.

Chính phủ Việt Nam khẳng định rõ quan điểm cam kết tạo môi trường kinh doanh, đầu tư thông thoáng, thuận lợi và

bình đẳng cho các nhà đầu tư nước ngoài. Riêng đối với Hàn Quốc, nhiều thỏa thuận về xúc tiến và bảo hộ đầu tư đã được ký kết như: Hiệp định về hợp tác kinh tế và công nghệ (1993), Hiệp định về tránh đánh thuế lần hai (1994), Hiệp định hợp tác Hải quan (1995), Hiệp định về trợ giúp pháp lý trong dân dụng và thương mại (1995), năm 2015, hai nước đã đi đến ký kết Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - Hàn Quốc (VKFTA). Song song với đó, các chính sách đối với nhà đầu tư nước ngoài của Việt Nam liên tục được cải thiện nhằm thu hút FDI từ Hàn Quốc. Việt Nam đã sửa đổi các chính sách và quy định về hình thức đầu tư, rào cản về điều kiện đầu tư, trình tự, thủ tục đầu tư…, kể từ ngày 1-1-2015, Việt Nam áp dụng miễn thị thực cho khách du lịch Hàn Quốc, mở đường cho các nhà đầu tư Hàn Quốc khám phá thị trường Việt Nam.

Như vậy, trong suốt thời gian từ khi thiết lập quan hệ ngoại giao đến khi nâng cấp quan hệ lên thành đối tác hợp tác chiến lược toàn diện, các cam kết về đầu tư giữa Hàn Quốc và Việt Nam đều nhằm mục đích tạo ra một môi trường bình đẳng cho các nhà đầu tư của cả hai nước.

2.3. Lợi thế so sánh của Hàn Quốc trong quan hệ với Việt Nam

Nền tảng công nghệ và đổi mới sáng tạo

Trong lĩnh vực ứng dụng khoa học và công nghệ, Hàn Quốc là một trong những nước đi đầu với các sản phẩm công nghệ cao và chất lượng, đặc biệt trong lĩnh vực điện tử, ô tô và hóa chất. Hàn Quốc là một trong những quốc gia đi đầu trong cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba, gia nhập nhóm các nước kinh tế phát triển và ngày nay đang tiến vào cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Sợi chỉ đỏ dẫn dắt sự phát triển thần kỳ của quốc gia này là phát triển khoa học - công nghệ. Hàn Quốc được coi là một cường quốc về công nghệ, với nhiều lợi thế nổi bật:

Trước hết, từ việc nhận thức công nghệ là tối cần thiết cho công nghiệp hóa, Hàn Quốc đầu tư rất lớn vào nghiên cứu và phát triển (R&D). Từ năm 1966, dưới thời Tổng thống Park Chung Hee, Hàn Quốc đã thành lập Viện Khoa học và công nghệ Hàn Quốc (*Korea Institute of Science and Technology* - KIST) (23). Năm 1967, với việc thành lập Tổng cục Khoa học kỹ thuật, Hàn Quốc là quốc gia duy nhất trong số các nước đang phát triển có cơ quan cấp bộ về khoa học kỹ thuật. Cùng thời gian này, Hàn Quốc thông qua Luật bồi dưỡng khoa học - công nghệ, tạo cơ sở pháp lý ban hành các chính sách ưu đãi cho các hoạt động nghiên cứu và phổ biến khoa học và kỹ thuật, công nghệ mới trong nền kinh tế. Năm 1971, Viện Phát triển khoa học của Hàn Quốc được thành lập, trở thành cơ sở đào tạo sau đại học tập trung vào một số lĩnh vực về khoa học ứng dụng và công nghệ ứng dụng. Một trong những chức năng của Viện là đào tạo các nhà khoa học và các kỹ sư có trình độ cao nhằm đáp ứng các nhu cầu mới của các ngành công nghiệp chế tạo. Năm 1973, Hàn Quốc chuyển trọng tâm chính sách công nghiệp từ công nghiệp nhẹ sang phát triển công nghiệp nặng và phát động "cuộc cách mạng khoa học hóa toàn dân" nhằm khuyến khích các hoạt động nghiên cứu phát triển của các tổ chức và cá nhân trong nghiên cứu khoa học-công nghệ. Từ năm 1971 đến năm 1990, Hàn Quốc đầu tư cho R&D tăng từ 10,6 tỷ Won lên 3,4 nghìn tỷ Won (24). Tất cả những điều trên cho thấy chiến lược đầu tư dài hạn của chính phủ Hàn Quốc về R&D. Chính điều này giúp Hàn Quốc không ngừng sáng tạo

và dẫn đầu về nhiều lĩnh vực công nghệ như điện tử, viễn thông, công nghệ thông tin, ô tô, và nhiều sản phẩm tiêu dùng khác.

Từ năm 1990, thời điểm diễn ra cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba, với việc gia nhập Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế (OECD), Hàn Quốc bước vào đội ngũ các nước phát triển và tập trung phát triển kỹ thuật, công nghệ mới, đặc biệt là các lĩnh vực như công nghiệp IT, chất bán dẫn, thông tin truyền thông, năng lượng hạt nhân,... Từ năm 2001, Hàn Quốc đã tiến hành đầu tư mạnh cho công nghệ nano và tập trung nghiên cứu vật liệu nano, thiết bị điện tử dựa trên công nghệ mini hoá, bộ nhớ máy tính và các thiết bị logích phân tử. Hàn Quốc coi công nghệ nano và công nghệ sinh học là những công nghệ đem lại tăng trưởng. Chính phủ Hàn Quốc cũng đã thiết lập Trung tâm công nghệ nano hoạt động từ năm 2002 và Trung tâm chế tạo nano tổng hợp năm 2003. Hàn Quốc hiện có 3 cơ quan nghiên cứu về công nghệ nano: Cơ quan nghiên cứu nano theo cấp đơn vị tera, Viện phát triển công nghệ nano và quỹ nghiên cứu nano cơ điện tử (25). Năm 2017, doanh thu từ các sản phẩm AI tại Hàn Quốc chỉ đứng sau Mỹ và Trung Quốc. Tính đến nay, Hàn Quốc là quốc gia đứng thứ 5 trên thế giới về phát triển công nghệ AI sau Mỹ, châu Âu, Trung Quốc và Nhật Bản (26). Tháng 12-2019, Chính phủ Hàn Quốc tiếp tục công bố bản chiến lược lớn "Chiến lược quốc gia về AI" (27). Điều này cho thấy, Hàn Quốc rất quan tâm và chú trọng đầu tư cho phát triển khoa học công nghệ.

Bên cạnh đó, yếu tố đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển khoa học công nghệ Hàn Quốc chính là những nỗ lực tiên phong của các tập đoàn công nghệ khổng lồ như Samsung, LG, Hyundai và nhiều doanh nghiệp công nghệ khác. Những tập đoàn này không chỉ dẫn đầu về công nghệ mà còn đầu tư mạnh vào nghiên cứu và phát triển. Hơn nữa, Hàn Quốc có nguồn nhân lực công nghệ cao rất dồi dào, với hàng triệu kỹ sư và nhà khoa học được đào tạo bài bản. Đây cũng là lợi thế then chốt trong việc thúc đẩy sự đổi mới và nâng cao năng lực công nghệ của Hàn Quốc.

Từ những lợi thế trên, Hàn Quốc đã trở thành một cường quốc về công nghệ, đóng góp to lớn vào sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và lan tỏa ảnh hưởng ra toàn cầu. Trong quá trình hợp tác với Việt Nam, nhờ tận dụng thế mạnh của khoa học công nghệ từ Hàn Quốc, hai nước đã mở ra nhiều cơ hội hợp tác. Các công ty Hàn Quốc có thể chuyển giao công nghệ cho các đối tác Việt Nam thông qua các sáng kiến hợp tác bằng cách chia sẻ công nghệ, kỹ thuật, giúp Việt Nam nâng cao năng lực và khả năng cạnh tranh trong các phát triển các cơ sở hạ tầng kỹ thuật số, viễn thông. Ngược lại, Hàn Quốc cũng giúp Việt Nam đẩy nhanh quá trình đổi mới về công nghệ thông qua việc đầu tư vào các dự án R&D tập trung vào các công nghệ mới như trí tuệ nhân tạo và an ninh mạng. Ví dụ điển hình là việc Tập đoàn Samsung đã và đang có hướng đầu tư Việt Nam trở thành cơ sở sản xuất điện thoại thông minh lớn nhất với tổng vốn đầu tư là 17,3 tỉ USD trong 6 nhà máy và 1 Trung tâm nghiên cứu và phát triển được khởi công xây dựng vào tháng 3-2020 (28) và chính thức đi vào hoạt động từ tháng 12-2022. Việc xây dựng Research (29) là Trung tâm R&D với quy mô lớn nhất tại khu vực Đông Nam Á là một bước tiến vượt bậc trong hành trình đầu tư 15 năm qua của Samsung tại Việt Nam. Việt Nam đang dần trở thành địa điểm sản xuất lớn nhất của Samsung tại nước ngoài. Sự gia tăng đầu tư và sản xuất của Samsung và các tập đoàn công nghệ Hàn Quốc đã

góp phần đưa Việt Nam nhanh chóng ghi tên trên bản đồ công nghệ toàn cầu.

Với nền tảng và thế mạnh về công nghệ, Hàn Quốc đã đầu tư vào việc cung cấp giải pháp công nghệ Hàn Quốc tại Việt Nam. Ngày 17-1-2023, Chính phủ Hàn Quốc đã viện trợ cho Việt Nam xây dựng Viện Khoa học - Công nghệ Việt Nam - Hàn Quốc (VKIST) (30), cũng như cam kết chuyển giao hơn 100 công nghệ nguồn và hỗ trợ Việt Nam xây dựng vườn ươm công nghệ tại Cần Thơ. Sự hỗ trợ của chính phủ Hàn Quốc trong chuyển giao công nghệ, hỗ trợ khởi nghiệp trong lĩnh vực công nghệ, cộng thêm dòng vốn FDI của Hàn Quốc đầu tư vào Việt Nam sẽ góp phần rất lớn để Việt Nam tiến lên công nghiệp hóa.

Nền tảng kinh tế, kinh nghiệm phát triển

Quá trình tích lũy tư bản của Hàn Quốc là một câu chuyện về sự khởi đầu khiêm tốn và sự vươn lên nhanh chóng trở thành một trong những quốc gia công nghiệp hóa thành công điển hình của châu Á trong những thập kỷ gần đây.

Kể từ khi chiến tranh Triều Tiên kết thúc năm 1953, Hàn Quốc là một trong những quốc gia nghèo nhất thế giới với nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu do khan hiếm tài nguyên thiên nhiên. Tuy vậy, với nỗ lực tái thiết, cải cách mạnh mẽ, trong một thời gian ngắn từ một đất nước phụ thuộc vào tài trợ nước ngoài, bị chiến tranh tàn phá, Hàn Quốc đã chuyển mình thành một nền kinh tế hàng đầu thế giới với thu nhập bình quân đầu người (GDP) hàng năm tăng từ 100 USD năm 1960 lên 1.700 USD năm 1980, 11.950 USD năm 2000, 22.090 USD năm 2010, 32.050 USD năm 2018 và 33.745 USD năm 2023 (31). Với kết quả đó, Hàn Quốc luôn được xem là mẫu hình lý tưởng để học tập cho các quốc gia.

Trong suốt quá trình cải cách và phát triển kinh tế, ngoài những yếu tố nền tảng kinh tế và nội lực trong nước, chính phủ Hàn Quốc luôn chú trọng khai thác nguồn viện trợ nước ngoài. Phần lớn các khoản viện trợ nước ngoài đều được dùng vào cơ sở hạ tầng kinh tế và lĩnh vực sản xuất. Trong giai đoạn khôi phục đất nước 1962-1973, 73% các khoản viện trợ nước ngoài của Hàn Quốc đã được dùng vào nâng cấp cơ sở hạ tầng (32), việc phân bổ nguồn vốn đó đã đóng góp cho sự thành công của quá trình công nghiệp hóa ở Hàn Quốc. Là quốc gia đứng thứ 2 về tổng số vốn ODA và đứng thứ nhất về giá trị FDI tại Việt Nam, Hàn Quốc có thể chuyển giao kinh nghiệm cho Việt Nam qua nhiều kênh khác nhau: các hội thảo, đề án nghiên cứu, quá trình chuyển giao công nghệ.

Sức mạnh của các tập đoàn lớn - "Chaebol"

Hàn Quốc là nước rất thành công trong việc xây dựng thương hiệu và chiếm lĩnh thị trường. Đặc biệt, hệ thống các "Chaebol" tồn tại trong nền kinh tế Hàn Quốc đã trở thành một nét văn hóa kinh doanh đặc trưng của Hàn Quốc. Có thể kể đến một vài Cheabol hàng đầu về công nghệ, sản xuất ở Hàn Quốc như Samsung, Hyundai, SK Group, LG, Lotte… Sự hợp tác giữa chính phủ Hàn Quốc với các Chaebol đã đóng vai trò quan trọng trong tăng trưởng kinh tế và tạo nên những thành công đáng kinh ngạc của Hàn Quốc: *Thứ nhất*, các Chaebol đã đóng góp rất lớn cho tổng GDP của Hàn Quốc. Theo dữ liệu của CEO Score, năm 2017, 10 tập đoàn lớn nhất Hàn Quốc ghi nhận doanh thu lên đến 677,8 tỷ USD, tương đương 44,2% tổng GDP của cả nước năm 2017 (33). *Thứ hai,* các Chaebol đã có chiến lược tiếp cận công nghệ mới một cách có hiệu quả, đã sáng tạo ra những công nghệ và mặt hàng điện tử tiêu dùng như ti

vi, tủ lạnh, máy điều hòa không khí, máy giặt, điện thoại di động, tạo nên thương hiệu riêng biệt. *Thứ ba*, các Chaebol đều có chiến lược mở rộng thị trường trong khu vực và trên thế giới, cùng với quá trình mở rộng thị trường, đồng thời hướng đến sử dụng nhiều nhân công giá rẻ ở nước ngoài để tăng lợi thế cạnh tranh giá trị sản xuất hàng hóa.

Trên góc độ lợi thế so sánh, có thể nói sự thành công của các Chaebol của Hàn Quốc cũng mang lại nhiều lợi ích đáng kể cho Việt Nam trong bối cảnh quan hệ kinh tế giữa hai nước ngày càng sâu rộng. Các tập đoàn lớn như Samsung, Huyndai, LG, Lotte,… đã và đang đầu tư rất lớn vào Việt Nam, góp phần thúc đẩy phát triển công nghiệp, xuất khẩu và tạo việc làm. Họ mang theo công nghệ, quản lý hiện đại, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh và thúc đẩy tham gia chuỗi giá trị toàn cầu của các doanh nghiệp Việt Nam. Nhiều doanh nghiệp Việt Nam đã trở thành nhà cung cấp, đối tác chiến lược cho các tập đoàn lớn của Hàn Quốc, mở ra cơ hội tiếp cận thị trường xuất khẩu rộng lớn.

Hệ thống hỗ trợ đầu tư trực tiếp nước ngoài

Nhờ chính sách cải cách và phát triển kinh tế mạnh mẽ, tỷ lệ tích lũy tư bản của Hàn Quốc luôn ở mức cao đã tạo ra một nguồn vốn dồi dào để các doanh nghiệp Hàn Quốc có thể liên tục hiện đại hóa công nghệ, mở rộng sản xuất và chinh phục các thị trường quốc tế.

Chính phủ Hàn Quốc đã triển khai nhiều chính sách, ưu đãi để hỗ trợ doanh nghiệp Hàn Quốc đầu tư ra nước ngoài nhằm mở rộng thị trường, tiếp cận công nghệ, quản lý và nguồn nhân lực mới. Ngay từ những năm 1989, khi Mỹ đưa Hàn Quốc ra khỏi danh sách các quốc gia được hưởng chế độ ưu đãi chính, khiến khả năng xuất khẩu của Hàn Quốc sang các thị trường truyền thống là Mỹ, Nhật Bản và Tây Âu bị giảm sút. Hàn Quốc bắt đầu tìm kiếm các thị trường mới ở khu vực Đông Nam Á. Các tập đoàn Hàn Quốc như Samsung, Hyundai, LG và Daewoo đã bắt đầu tiến vào các nước ASEAN như Thái Lan, Indonesia, Singapore, Malaysia, Việt Nam và mang lại sự tăng trưởng khá, bất chấp cuộc khủng hoảng tài chính châu Á năm 1997 và cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu năm 2008 (34). Có thể thấy, với mục tiêu nâng cao năng lực cạnh tranh toàn cầu của các doanh nghiệp Hàn Quốc, Hàn Quốc luôn ưu tiên đẩy mạnh đầu tư ra nước ngoài trong các lĩnh vực công nghệ cao, năng lượng tái tạo, dịch vụ tài chính, logistics,… Để thực hiện chiến lược "vươn ra toàn cầu", Hàn Quốc chủ động thúc đẩy ký kết các hiệp định thương mại tự do (FTA) với các nước, khu vực (trong đó có Việt Nam) nhằm tạo môi trường pháp lý thuận lợi cho các doanh nghiệp Hàn Quốc đầu tư ra nước ngoài.

Trong quan hệ hợp tác với Việt Nam, quan hệ đối tác kinh tế được coi là nền tảng của mối quan hệ giữa Việt Nam và Hàn Quốc, đặc biệt là sau khi VKFTA có hiệu lực vào năm 2015, đầu tư của Hàn Quốc vào Việt Nam không ngừng tăng bao gồm nhiều lĩnh vực như: chế biến, sản xuất, bất động sản, bán lẻ và xây dựng. Hiện nay, Hàn Quốc là nhà đầu tư trực tiếp (FDI) lớn nhất vào Việt Nam, đứng thứ hai về hỗ trợ phát triển (sau Nhật Bản) và đứng thứ ba về thương mại (sau Trung Quốc và Mỹ). FDI của Hàn Quốc đã trở thành một nguồn lực quan trọng thúc đẩy quá trình xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển nông nghiệp và nông thôn, cũng như xóa đói giảm nghèo, thực hiện các mục tiêu chiến lược kinh tế, xã hội của Việt Nam.

Hàn Quốc đang ngày càng trở thành đối tác đầu tư quan trọng của Việt Nam, không chỉ vì số lượng vốn lớn, mà còn vì vốn đầu tư từ quốc gia này đang hướng đúng vào mục tiêu chiến lược thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) của Việt Nam. Xét theo góc độ này, xu hướng đầu tư của các doanh nghiệp Hàn Quốc tại Việt Nam tập trung vào các ngành như công nghiệp điện tử (đi đầu là Samsung, LG, cùng các doanh nghiệp vệ tinh); phân phối, bán buôn, bán lẻ (Lotte, Shinseghe, E Mart); tài chính - bảo hiểm (Shinha, Woori, KEB, IBK, KB, Hanwha...); năng lượng (các nhà máy nhiệt điện và điện nguyên tử ở cấp chính phủ như KEPCO, Doosan, Samsung, Taekwang...); dầu khí - hóa chất (GS, SK, Samsung...); nông nghiệp - trồng trọt (CJ)...,

Ở góc độ viện trợ phát triển, theo số liệu thống kê của Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế (OECD, 2021), Hàn Quốc là nhà cung cấp ODA lớn thứ 15 trên thế giới với ngân sách 2,9 tỷ USD cho ODA vào năm 2021, chiếm 0,16% tổng thu nhập quốc dân (GNI) của nước này (35). Với lợi thế về ODA, Hàn Quốc là đối tác hợp tác đầy triển vọng đối với Việt Nam.

Nguồn vốn ODA của Hàn Quốc dành cho Việt Nam đã cung cấp nguồn tài chính quan trọng và đóng góp tích cực vào sự tăng trưởng của kinh tế Việt Nam. Từng là một nước có thu nhập thấp, chịu nhiều hậu quả nặng nề của các cuộc chiến tranh và cấm vận, công cuộc đổi mới của Việt Nam rất cần nguồn vốn để tái thiết đất nước, xóa đói giảm nghèo, xây dựng cơ sở hạ tầng hiện đại để phát triển kinh tế. Trong bối cảnh nguồn lực tài chính tích lũy nội bộ còn thấp, chưa đáp ứng nhu cầu đòi hỏi của mục tiêu phát triển công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nguồn viện trợ ODA của các nước và tổ chức quốc tế, trong đó có Hàn Quốc, đóng vai trò quan trọng đối với công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế -xã hội của Việt Nam.

3. Nhận xét

Trải qua hơn 30 năm, với sự thành công toàn diện trên nhiều lĩnh vực hợp tác, quan hệ Việt Nam-Hàn Quốc có thể được xem như "mối lương duyên hiếm gặp". Dựa trên những tiềm năng, lợi thế của mỗi bên, hai nước đã đẩy mạnh hợp tác và không ngừng nâng tầm quan hệ trở thành đối tác chiến lược quan trọng của nhau.

Đối với Việt Nam, việc thiết lập quan hệ với Hàn Quốc giúp Việt Nam tận dụng được lợi thế cạnh tranh của mình so với các nước trong khu vực, như nguồn lao động dồi dào, tài nguyên thiên nhiên phong phú để phát triển ngành công nghiệp, dịch vụ, có tiềm năng phát triển khối ngành khoa học, công nghệ. Hơn nữa, cơ sở hạ tầng và khoa học công nghệ của Việt Nam mặc dù đang ngày càng được cải thiện, nhưng vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển của nền kinh tế. Do đó, việc tận dụng những lợi thế đem lại từ phương diện khoa học, công nghệ, vốn… của các doanh nghiệp từ Hàn Quốc, sẽ giúp cho Việt Nam đẩy nhanh hơn việc cải thiện môi trường phát triển kinh tế.

Nhờ có sự đầu tư và ứng dụng công nghệ từ phía Hàn Quốc, mà lợi thế so sánh các nhóm ngành của Việt Nam đang ngày một tăng cao. Ngành điện tử đóng vai trò quan trọng đối với kinh tế - xã hội Việt Nam trong việc phát triển doanh nghiệp, đem lại nguồn thu cho người lao động và ngân sách nhà nước, thúc đẩy xuất khẩu và đang tạo ra giá trị tương đối cao. Theo thống kê, trong giai đoạn 2010-2020, ngành có lợi thế so sánh tăng cao là điện tử, từ năm 2012, ngành điện tử đã vượt qua ngành dệt may để trở thành ngành hàng có kim ngạch xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam. Trong

giai đoạn 2010-2020, nhóm hàng điện tử xuất khẩu của Việt Nam có giá trị chỉ số lợi thế so sánh (RCA) đứng thứ 3 thế giới, sau Đài Loan, Malaysia và có những bước tăng trưởng nhanh, đều qua các năm. Tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm về RCA của mặt hàng điện tử Việt Nam đạt mức 14%/năm, cao hơn rất nhiều so với giá trị này của các nước khác trong nhóm 10 quốc gia xuất khẩu hàng đầu mặt hàng điện tử trên thế giới. Mười mặt hàng điện tử xuất khẩu có giá trị RCA cao nhất của Việt Nam dao động trong khoảng 1,4 (mạch điện tử) và 5,5 (điện thoại), trong đó cao nhất là điện thoại (36). Những kết quả này một phần có sự đóng góp, sự hiện diện và mở rộng sản xuất, xuất khẩu, đầu tư của các doanh nghiệp FDI Hàn Quốc.

Trong tương lai gần, định vị lợi thế so sánh của nhóm ngành điện tử xuất khẩu của Việt Nam có khả năng sẽ tiếp tục được cải thiện trên thị trường quốc tế. Ngành công nghiệp điện tử Việt Nam đang có những điều kiện và triển vọng thuận lợi để phát triển nhờ vào việc thu hút vốn FDI từ các doanh nghiệp Hàn Quốc tăng mạnh trong lĩnh vực điện tử. Điều này mang đến cơ hội đưa Việt Nam trở thành "công xưởng thứ hai của thế giới" khi một loạt tập đoàn điện tử, viễn thông lớn của Hàn Quốc tuyên bố rút lui khỏi thị trường Trung Quốc, chuyển sang khu vực Đông Nam Á.

Đối với Hàn Quốc, Việt Nam đã tạo ra nhiều lợi thế cho Hàn Quốc trong việc sử dụng tài nguyên tại chỗ (tài nguyên, nhân lực) khi đầu tư vào Việt Nam. Việt Nam có chi phí lao động, mặt bằng sản xuất và các yếu tố đầu vào thấp hơn so với Hàn Quốc, giúp các doanh nghiệp Hàn Quốc giảm chi phí sản xuất. Thêm vào đó, Việt Nam có vị trí địa lý thuận lợi, cơ sở hạ tầng ngày càng phát triển, có thể trở thành một điểm trung chuyển, nút giao thương quan trọng trong chuỗi cung ứng toàn cầu của doanh nghiệp Hàn Quốc. Thị trường Việt Nam là thị trường tiềm năng lớn cho các sản phẩm và dịch vụ của Hàn Quốc.

Cùng với đó, Việt Nam là một nước ổn định về chính trị, an ninh tốt, chính sách thu hút khuyến khích đầu tư nước ngoài rộng mở, thu hút nhiều nhà đầu tư từ Hàn Quốc. Việt Nam cũng đang trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, là nơi thích hợp để các doanh nghiệp Hàn Quốc triển khai các hoạt động nghiên cứu, phát triển, ứng dụng công nghệ mới. Những yếu tố đó bổ sung cho nhau, tạo ra tiềm năng to lớn cho quan hệ hai nước, làm cho mối quan hệ này ngày càng phát triển và bền vững.

Nhìn từ góc độ lợi thế so sánh cùng với những lợi ích song trùng, quan hệ Việt Nam - Hàn Quốc đã và đang phát triển mạnh mẽ, mang lại lợi ích cho cả hai bên. Sự hợp tác này không chỉ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế mà còn tạo điều kiện cho sự phát triển bền vững trong tương lai. Việc tiếp tục khai thác và phát huy lợi thế so sánh sẽ là chìa khóa để củng cố mối quan hệ này trong thời gian tới.

CHÚ THÍCH

(1). Ý tưởng hình thành Cộng đồng Đông Á được đưa ra tại Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN và các nước ASEAN+3 tại Viêngchăn, Lào vào năm 2004.

(2). Frank Frost và Ann Rann (2006), The East Asia Summit, Cebu, 2007: issues and prospects, http://www.aph.gov.au/library/intguide/fad/eastasia_summit2007.htmeas.

(3). "Chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương tự do và rộng mở" do Bộ Quốc phòng Mỹ công bố tháng 6-2019 đã 23 lần đề cập đến Việt Nam, thậm chí xếp Việt Nam trước cả các đối tác

quan trọng khác của Mỹ trong ASEAN là Singapore và Indonesia.

(4). THAAD (*Terminal High Altitude Area Defense*) là hệ thống phòng thủ tên lửa tầm cao giai đoạn cuối, được triển khai tại Hàn Quốc từ đầu năm 2017, là một trong những nguyên nhân gây căng thẳng trong quan hệ Trung-Hàn, kéo theo hàng loạt các chính sách của Trung Quốc khiến kinh tế Hàn Quốc bị thiệt hại ước tính khoảng 7,5 tỷ USD.

(5). Choe Nam-suk, *Korean circles highlight Vietnam's role in RoK New Southern Policy*, http://www.koreaittimes.com/news/articleView.html?idxno=94154

(6). Smith, A. *Principles of macroeconomic analysis*, Melbourne, Australian National, 2003, pp.20.

(7). Xem: D. Ukwandu, *David Ricardo's theory of comparative advantage and its implication for development in Sub-Saharan Africa,* African Journal of Public Affairs, Volume 8 number, 2015, pp.19.

(8). Hà Xuân Vấn, *Vấn đề đánh giá các nguồn lực có lợi thế so sánh trong phát triển kinh tế đối ngoại ở nước ta,* Tạp chí *Nghiên cứu quốc tế*, số 3-1997, tr.33-37.

(9). Theo thống kê của Bộ Tài nguyên và môi trường năm 2021, diện tích đất nông nghiệp Việt Nam là 27.994.319 ha (https://monre.gov.vn/Pages/cong-bo-ket-qua-thong-ke-dien-tich-dat-dai-nam-2021.aspx)

(10). *Phát triển nền kinh tế không tài nguyên ở Hàn Quốc*,

https://cks.inas.gov.vn/index.php?newsid=129.

(11). Tổng cục thống kê, *Báo cáo tình hình kinh tế-xã hội quý IV và năm 2023*, số 502/BC-TCTK ngày 28-12-2023, tr.40.

(12). https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2024/01/tinh-hinh-thi-truong-lao-dong-viet-nam-nam-2023/:~:text=T%C3%ADnh%20chung%20n%C4%83m%202023%2C%20l%E1%BB%B1c,tr%C4%83m%20so%20v%E1%BB%9Bi%20n%C4%83m%202022.

(13). Đẩy mạnh hợp tác giữa Việt Nam và Hàn Quốc trong lĩnh vực lao động, việc làm, https://www.molisa.gov.vn/baiviet/233323?tintucID=233323

(14). https://kinhtetrunguong.vn/kinh-te/kinh-te-vi-mo/gdp-binh-quan-viet-nam-nam-2000-xep-thu-173-200-the-gioi-nam-2022-thay-doi-the-nao-.html

(15). Hamada Kazuyuki, *Cường quốc trong tương lai: Vẽ lại bản đồ thế giới năm 2030*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2020, tr. 74.

(16). *Hiệp định thương mại tự do Việt Nam-EU* (EVFTA) là một FTA thế hệ mới giữa Việt Nam và 27 nước thành viên EU. Ngày 01-12-2015, EVFTA đã chính thức kết thúc đàm phán và đến ngày 01-02-2016, văn bản hiệp định được công bố. Ngày 26-06-2018, EVFTA được tách làm hai Hiệp định, một là *Hiệp định Thương mại* (EVFTA), và một là *Hiệp định Bảo hộ đầu tư* (EVIPA). EVFTA và EVIPA được phê chuẩn bởi Nghị viện châu Âu vào ngày 12-2-2020, và được Quốc hội Việt Nam phê chuẩn vào ngày 8-6-2020. Ngày 30-3-2020, Hội đồng châu Âu cũng đã thông qua EVFTA. Đối với EVFTA, do đã hoàn tất thủ tục phê chuẩn, Hiệp định này đã chính thức có hiệu lực từ ngày 1-8-2020.

(17). Vào ngày 4-2-2016 giữa 12 nước (Australia, Brunei, Canada, Chile, Nhật Bản, Malaysia, Mexico, New Zealand, Peru, Singapore, Hoa Kỳ và Việt Nam) đã nhất trí ký kết *Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương* (TPP) và dự kiến có hiệu lực từ 2018. Tuy nhiên, đến tháng 1-2017 Hoa Kỳ tuyên bố rút khỏi TPP. Do đó 11 thành viên còn lại chính thức ký kết Hiệp định vào tháng 3-2018 với tên gọi mới là *Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương* (CTTPP).

(18).https://vnmission-newyork.mofa.gov.vn/vi-vn/Menu%20Hide/Investment%20in%20Vietnam/Trang/V%C3%AC-sao-FDI-t%E1%BB%AB-H%C3%A0n-Qu%E1%BB%91c-l%C3%A0-quan-tr%E1%BB%8Dng.aspx

(19). https://www.vietnam.vn/viet-nam-la-doi-tac-trong-tam-trien-khai-chien-luoc-an-do-duong-thai-binh-duong-va-sang-kien-doan-ket-han-quoc-asean-3/

(20). Việt Nam - thị trường nhiều tiềm năng của các doanh nghiệp Hàn Quốc, https://www.vietnamplus.vn/viet-nam-thi-truong-nhieu-tiem-nang-cua-cac-doanh-nghiep-han-quoc-post840432.vnp.

(21). Bộ Kế hoạch và đầu tư, Cục đầu tư nước ngoài, *Doanh nghiệp Hàn Quốc chọn Việt Nam để đầu tư trong năm 2015, https://fia.mpi.gov.vn/*

(22). Trần Quang Minh, *Nâng tầm quan hệ đối tác chiến lược Việt Nam - Hàn Quốc trong bối cảnh mới ở Đông Á,* Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2020, tr.115.

(23). KIST có hai chức năng cơ bản: một là, nghiên cứu các công nghệ sản xuất mà các công ty đòi hỏi; hai là, thay đổi phương thức giáo dục, ứng dụng các lý thuyết vào các mục tiêu thực tiễn.

(24).https://www.qdnd.vn/kinh-te/cac-van-de/bai-2-su-phat-trien-cong-nghe-o-han-quoc-va-bai-hoc-cho-viet-nam-669562

(25).https://vista.gov.vn/vn-uploads/tong-luan/2010/tl2_2010.

(26). Phạm Thu Thủy, *Chiến lược quốc gia về trí tuệ nhân tạo của Hàn Quốc hiện nay*, Tạp chí *Nghiên cứu Đông Bắc Á,* số 9-2022.

(27). Ministry of Science and IT (2019) (Công bố chiến lược quốc gia về AI) https://www.korea.kr/briefing/pressReleaseView.do?newsId=156366736

(28). https://news.samsung.com/vn/samsung-bat-dau-xay-dung-trung-tam-nghien-cuu-va-phat-trien-moi-tai-viet-nam/.

(29). Samsung Research là trung tâm nghiên cứu và phát triển (R&D) tiên tiến của Bộ phận hàng điện tử tiêu dùng (CE) và Bộ phận CNTT & Truyền thông di động (IM) của Samsung. Samsung Research dẫn đầu sự phát triển của công nghệ tương lai cho sản phẩm và dịch vụ của Samsung với hơn 10.000 nhà nghiên cứu và nhà phát triển làm việc tại các trung tâm R&D ở nước ngoài.

(30). Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam - Hàn Quốc (VKIST) là dự án viện trợ không hoàn lại lớn nhất của Hàn Quốc dành cho Việt Nam. Viện VKIST là kết quả cuộc đàm phán của Việt Nam với Hàn Quốc từ tháng 3-2012. Đến năm 2013, Việt Nam quyết định phê duyệt danh mục dự án "Hợp tác xây dựng Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam - Hàn Quốc" tại Việt Nam do Chính phủ Hàn Quốc tài trợ, trụ sở Viện được khởi công xây dựng tại Khu Công nghệ cao Hòa Lạc từ năm 2018, và được khánh thành chính thức vào ngày 17-1-2023.

(31). Westphal, L. E., "*Industrial policy in an export propelled economy: Lessons from South Korea's experience*", The Journal of Economic Perspectives, 4 (1990), 41-59.

(32). Phát triển kinh tế Hàn Quốc và kinh nghiệm đối với Việt Nam, Tạp chí Tài chính kỳ 2 - tháng 8-2020.

(33). Top 10 Korean Inc. revenue equivalent to nearly half of GDP, https://www.koreatimes.co.kr/www/biz/2024/08/602_378836.html

(34). Sungil Kwak, *Korea's New Southern Policy: Vision and Challenges* (Chính sách phương Nam mới của Hàn Quốc: Tầm nhìn và thách thức), Korea Institute for International Economic Policy (KIEP), November 12, 2018, tr. 5.

(35). Phạm Hồng Thái, *Viện trợ phát triển chính thức Hàn Quốc cho Việt Nam: 30 năm nhìn lại và định hướng,* Tạp chí *Khoa học xã hội Việt Nam*, số 10-2022, tr.80.

(36). Nguyễn Trúc Lê, Nguyễn Anh Thu, Nguyễn Quốc Việt, *Lợi thế so sánh và sự tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu của Việt Nam,* Báo cáo thường niên kinh tế V iệt Nam 2021 của VEPR, Tạp chí khoa học và công nghệ Việt Nam điện tử, https://vjst.vn/vn/tin-tuc/5188/--loi-the-so-sanh-va-su-tham-gia-vao-chuoi-gia-tri-toan-cau-cua-viet-nam.aspx.